

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện  
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động Xúc tiến thương mại;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1335/TTr-SCT ngày 25/9/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch; Chủ tịch UBND các



huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (đề báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB (Bộ Tư Pháp);
- TT.TU, TT.HĐND, UBMTTQVT tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư Pháp;
- LĐVP, các phòng;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, (Qué-29.9)



*Phạm Văn Công*

**QUY CHẾ**  
**Xây dựng, quản lý và thực hiện**  
**Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2015/QĐ-UBND ngày 30 /10 /2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước sử dụng nguồn kinh phí xúc tiến thương mại địa phương (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng cho các đơn vị thực hiện Chương trình gồm: Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

**Điều 2. Mục tiêu của Chương trình**

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại biên giới, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

3. Gắn kết giữa hoạt động xúc tiến thương mại với hoạt động đầu tư và du lịch của tỉnh.

**Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Trung tâm xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch; các đơn vị khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì thực hiện Chương trình.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân.
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.
- c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp.

d) Có chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường mục tiêu.

đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, Hợp tác xã, tổ chức xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện nội dung của Chương trình và được hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của địa phương chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các Chương trình mà đơn vị tham gia.

2. Các đơn vị tham gia thực hiện chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Có văn bản đề nghị tham gia chương trình gửi đến đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình trong thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 13 của Quy chế này.

c) Ưu tiên các đơn vị tham gia sản xuất, kinh doanh những hàng hóa truyền thống, sản phẩm chủ lực của tỉnh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;

d) Đối với đơn vị mới thành lập: Có khả năng phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu;

đ) Đối với đơn vị hoạt động lâu năm: Phát triển và quảng bá sản phẩm mới (so với những sản phẩm hiện đang sản xuất), nhiều năm liền là doanh nghiệp tiêu biểu...

#### **Điều 5. Cơ quan quản lý Chương trình**

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phổ biến định hướng xuất khẩu, thị trường trong nước và thương mại biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

c) Quy định tiêu chí đối với các đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình.



d) Đánh giá, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại để tổng hợp đưa vào Kế hoạch hàng năm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm.

đ) Tổ chức triển khai công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

e) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Giám đốc Sở Công Thương ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện: các phòng chuyên môn có liên quan, Đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hội đồng thẩm định do một lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định các Đề án xúc tiến thương mại hàng năm của đơn vị chủ trì xây dựng; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình trực tiếp tổ chức thực hiện Chương trình; có nhiệm vụ tiếp nhận, đánh giá sơ bộ các Đề án xúc tiến thương mại của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình theo quy định tại Quy chế này và tổng hợp trình Hội đồng thẩm định; tổ chức triển khai công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Đề án mà đơn vị tham gia thực hiện chương trình đã ký kết hợp đồng thực hiện; tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí Nhà nước cấp cho Chương trình theo đúng quy định; báo cáo Sở Công Thương tiến độ thực hiện và những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

## **Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách địa phương hỗ trợ.
- b) Đóng góp của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại địa phương được phân bổ trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc đột xuất (khi được Ủy ban nhân dân tỉnh thuận chủ trương) của đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

## **Điều 7. Quản lý kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung Chương trình, đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình xây dựng dự toán kinh phí theo



các nội dung Chương trình đã được phê duyệt và tổng hợp chung vào Kế hoạch ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

2. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình triển khai thực hiện các nội dung Chương trình trong phạm vi tổng dự toán kinh phí hỗ trợ được phê duyệt; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chương trình theo quy định hiện hành. Kinh phí ngân sách hỗ trợ cho nội dung của chương trình đang thực hiện dở dang hoặc đã giao/ ký hợp đồng các đơn vị không sử dụng hết được chuyển sang năm sau. Kinh phí ngân sách hỗ trợ cho nội dung của chương trình không giao/ ký hợp đồng cho đơn vị thực hiện, phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Sở Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ**

**Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình định hướng xuất khẩu**

1. Hỗ trợ 70% chi phí thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các ngành hàng. Bao gồm các khoản chi phí:

- a) Chi phí mua tư liệu;
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- c) Chi phí xuất bản và phát hành;
- d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa không quá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Hỗ trợ 70% chi phí tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài, bao gồm:

- Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;
- Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến tỉnh Bình Phước để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Bình Phước theo hợp đồng trọn gói.

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài:

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành”.

b) Hỗ trợ 100% chi phí đơn vị chủ trì tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp (bao gồm thuê hội trường, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, thuê phương tiện đi lại). Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 đơn vị tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại:

a) Hỗ trợ 50% chi phí đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Hỗ trợ 100% chi phí đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại do nhà nước quản lý và cán bộ, công chức, viên chức.

Nội dung chi hỗ trợ đào tạo, tập huấn bao gồm: chi phí thuê giảng viên, thuê lớp học, thuê thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác (nếu có), hoặc học phí trọn gói của khóa học phải được ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực, kinh nghiệm về khả năng giảng dạy theo yêu cầu của công tác đào tạo.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại.

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Trang trí chung của khu vực Bình Phước;
- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Bình Phước): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;
- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;
- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại điểm a, khoản này không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/1 đơn vị tham gia.

b) Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại tỉnh (gồm chi phí cấu thành gian hàng, kể cả chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, dịch vụ điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, khai mạc, bế mạc, hội thảo,





quản lý,...) Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

c) Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức các hội chợ, triển lãm nêu tại điểm a và điểm b, khoản này. Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 12% chi phí tổ chức, tham gia hội chợ quy định tại điểm a và điểm b, khoản 5, Điều 9.

6. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài:

a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;

b) Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa khi tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài là: 40.000.000 đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60.000.000 đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100.000.000 đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

7. Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp: Hỗ trợ 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này với mức không chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

8. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Bình Phước giao dịch mua hàng (gồm: Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài; Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình; Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; Các khoản chi khác).

9. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Bình Phước (gồm: Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu; Chi phí tuyên truyền, quảng bá).

10. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;

b) Chi phí ăn, ở;

c) Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia.



11. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình thực hiện trong nước**

1. Hỗ trợ 50% các khoản chi tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng (Gồm các khoản chi: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; Trang trí chung của hội chợ triển lãm; Tổ chức khai mạc, bế mạc; Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị; Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm; Các khoản chi khác). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

2. Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. bao gồm:

- a) Chi phí vận chuyển;
- b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- c) Dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- d) Trang trí chung khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- đ) Tổ chức khai mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- f) Chi phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về hoạt động bán hàng;
- g) Các khoản chi phí khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa không quá 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

3. Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm. Bao gồm các khoản chi:

- a) Chi phí mua tư liệu;
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- c) Chi phí xuất bản và phát hành;
- d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo. Mức hỗ trợ tối đa tại khoản này là 175 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

6. Hỗ trợ 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án trong phạm vi khoản chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng để tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất tháng, quý, năm.

7. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước, bao gồm các khoản chi:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);

b) Hoạch học phí trọn gói của khoá học.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình tại biên giới, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bao gồm các khoản chi:

a) Chi phí vận chuyển;

b) Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;

c) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150.000.000 đồng/1 phiên.

2. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức và phát triển hệ thống phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới:

a) Tổ chức phiên chợ hàng Việt tại khu vực biên giới với các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia (gồm các khoản chi: Chi phí xin giấy phép chính quyền sở tại (tổ chức tại các tỉnh ở Vương quốc Campuchia); Chi phí thuê mặt bằng, trang trí tổng thể, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh; Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa; Các khoản chi khác). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 300 triệu đồng/1 phiên.

b) Chi phí hành chính phải nộp thực tế cho cơ quan cấp phép để mở văn phòng đại diện tại Vương quốc Campuchia.

3. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của tỉnh với Vương quốc Campuchia gồm các khoản chi (Chi phí mua tư liệu; Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; Chi phí xuất bản và phát hành; Các khoản chi khác). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới (gồm các nội dung: lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế, chi phí các thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hoá, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 350 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

5. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu (gồm các nội dung: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch; Các khoản chi khác). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

6. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hoá qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (gồm các nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, miền núi về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ).

7. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hoá, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (bao gồm: Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông; Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50.000.000 đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.



8. Các hoạt động xúc tiến thương mại biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào các dân tộc khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### **Điều 11. Phân bổ và thanh quyết toán kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại**

1. Căn cứ vào kinh phí được giao, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình thực hiện rút dự toán để thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của Chương trình theo quy định về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Quy chế này.

3. Sau khi kết thúc Chương trình, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình có trách nhiệm tập hợp đủ chứng từ thu, chi theo nội dung đã được phê duyệt. Riêng đối với những nội dung nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, số kinh phí còn lại (để đảm bảo thực hiện Chương trình) do Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình huy động đủ nguồn kinh phí để thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của chứng từ, hóa đơn thực hiện, đồng thời lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định.

### **Chương III**

#### **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

##### **Điều 12. Xây dựng Chương trình**

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình xây dựng đề án theo mẫu do Sở Công Thương quy định gửi đến đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình trước ngày 01 tháng 7 hàng năm.

Trên cơ sở đề án của đơn vị đăng ký tham gia thực hiện Chương trình gửi đến, đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình có nhiệm vụ tiếp nhận, đánh giá sơ bộ các đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này, tổng hợp trình Hội đồng thẩm định.

2. Các Đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị;
- b) Phù hợp với định hướng xuất khẩu của tỉnh và các mặt hàng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- d) Phù hợp với nội dung nêu tại Quy chế này;
- đ) Đảm bảo tính khả thi về: Phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;



e) Đối với các Đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 2 năm tài chính, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

3. Sở Công Thương, đơn vị được giao chủ trì thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm công bố công khai nội dung của Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên Website của sở để các đơn vị biết, đăng ký tham gia.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương**

##### **1. Sở Công Thương**

a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

d) Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

##### **2. Sở Tài chính**

Thẩm định kinh phí hỗ trợ Chương trình hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.

##### **3. Đơn vị Chủ trì thực hiện Chương trình**

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện nội dung Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Công Thương kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

c) Gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc Chương trình. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo việc thực hiện Chương trình về Sở Công Thương (6 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12).

4. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phối hợp với Sở Công Thương, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung chương trình đã được phê duyệt; hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia thực hiện chương trình.

**Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị tham gia**

1. Tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia Chương trình cho đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.
3. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình thành quyết toán sau khi kết thúc Chương trình.

**Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Chương trình của tỉnh thì được xem xét, khen thưởng theo quy định.
2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh thì phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 16.** Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Giám đốc Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



*Phạm Văn Công*